

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo  
Luật kinh doanh (Chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế)  
trình độ đại học**

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 2293/QĐ-ĐHTM ngày 16/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo của Trường Đại học Thương mại;

Căn cứ Quyết định số 1544/QĐ-ĐHTM ngày 27/9/2023 của Trường Đại học Thương mại ban hành Quy định về xây dựng và tổ chức đào tạo đối với chương trình đào tạo định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại; Quyết định số 2289/QĐ-ĐHTM ngày 04/12/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về xây dựng và tổ chức đào tạo đối với chương trình đào tạo định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại ban hành theo Quyết định số 1544/QĐ-ĐHTM ngày 27/9/2023;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường ngày 12/12/2024 về việc thông qua các chương trình đào tạo xây dựng mới, đánh giá định kỳ và cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 158/NQ-HĐT ngày 13/12/2024 tại phiên họp thứ 60 của Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025 thông qua các chương trình đào tạo xây dựng mới, đánh giá định kỳ và cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học năm 2024 trình độ đại học;

Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo Luật kinh doanh (Chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế) trình độ đại học (có bản chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Khoa Luật chịu trách nhiệm quản lý chương trình đào tạo Luật kinh doanh (Chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế) trình độ đại học.

**Điều 3.** Ông (Bà) Trưởng các phòng: Quản lý đào tạo, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Pháp chế và Thanh tra, Kế hoạch Tài chính và Trường khoa Luật chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, QLĐT, Luật.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Nguyễn Hoàng



**CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành theo Quyết định số 2460/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 12 năm 2024  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)*

<b>Chương trình đào tạo:</b>	<b>Luật kinh doanh (Chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế) Business Law (International Profession Oriented Program)</b>
<b>Trình độ đào tạo</b>	<b>Đại học</b>
<b>Ngành đào tạo:</b>	<b>Luật kinh tế</b>
<b>Mã ngành:</b>	<b>7380107</b>
<b>Chuyên ngành đào tạo:</b>	<b>Luật kinh doanh</b>
<b>Ngôn ngữ đào tạo:</b>	<b>Tiếng Việt và Tiếng Anh</b>

**1. Mục tiêu của chương trình đào tạo**

*1.1 Mục tiêu chung:*

Chương trình Luật Kinh doanh (Chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế) là chương trình đào tạo định hướng nghề nghiệp, đào tạo cử nhân chất lượng cao ngành Luật kinh tế, chuyên ngành Luật kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; nắm vững nguyên lý, quy luật xã hội, quy luật kinh tế, chính trị; có kiến thức liên ngành về kinh tế, kinh doanh; có kiến thức nền tảng về pháp luật nói chung, kiến thức chuyên sâu về pháp luật kinh doanh; có khả năng tiếp cận và giải quyết những vấn đề pháp lý đặt ra trong thực tiễn kinh doanh; có kỹ năng thực hành cơ bản nghề luật; có năng lực làm việc độc lập, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.

*1.2 Mục tiêu cụ thể:*

- Sinh viên sau khi tốt nghiệp có sức khỏe tốt, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, có ý thức phục vụ cộng đồng, có tư duy độc lập, sáng tạo, toàn diện cả về trí tuệ và nhân cách;
- Sinh viên sau khi tốt nghiệp có kiến thức toàn diện về kinh tế - chính trị - xã hội, kiến thức đa ngành về kinh tế, kinh doanh, hiểu biết chuyên sâu pháp luật trong hoạt động kinh doanh;
- Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng phát hiện, phân tích và vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết, tham mưu, tư vấn các vấn đề pháp lý phát sinh trong



thực tiễn hoạt động kinh doanh tại các đơn vị sản xuất kinh doanh và các đơn vị khác trong và ngoài hệ thống cơ quan quản lý nhà nước;

- Sinh viên sau khi tốt nghiệp có năng lực làm việc độc lập, tự chủ, sáng tạo và làm việc theo nhóm hiệu quả; có năng lực khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, có khả năng thích ứng với công việc cao; đủ sức cạnh tranh trên thị trường lao động trong nước và quốc tế;

- Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng tham gia đội ngũ thanh tra, pháp chế tại các doanh nghiệp, cơ quan tổ chức trong và ngoài nhà nước; đội ngũ nhà nghiên cứu, giảng dạy tại các cơ sở đào tạo về pháp luật, giáo viên giảng dạy pháp luật tại các trường THPT; đội ngũ nhân viên pháp lý tại các tổ chức hành nghề luật và các tổ chức hỗ trợ tư pháp.

- Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng học tập suốt đời, học tiếp các chứng chỉ nghề nghiệp, có cơ hội liên thông ngang giữa các chương trình đào tạo khác thuộc lĩnh vực pháp luật, kinh tế, kinh doanh, thương mại; có khả năng theo học các chương trình đào tạo sau đại học về luật, kinh tế, kinh doanh và quản trị kinh doanh trong và ngoài nước;

- Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng sử dụng thành thạo tiếng Anh trong công việc;

## **2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

### **2.1. Yêu cầu về kiến thức**

(PLO1): Vận dụng được kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết nền tảng về khoa học xã hội - chính trị - kinh tế và pháp luật nói chung, hiểu biết sâu rộng về pháp luật kinh doanh; vận dụng được kiến thức pháp lý chuyên ngành để giải quyết các vấn đề phát sinh từ thực tiễn hoạt động kinh doanh và hoạt động điều hành, quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh của các chủ thể trong xã hội.

(PLO2): Vận dụng được các kiến thức kiến thức liên ngành, kiến thức chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo để ứng dụng giải quyết hiệu quả các vấn đề pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh;

(PLO3) Vận dụng được kiến thức cơ bản về lập kế hoạch, tổ chức, giám sát, quản lý, điều hành hoạt động pháp lý liên quan đến lĩnh vực kinh doanh.

### **2.2. Yêu cầu về kỹ năng**

(PLO4) Có kỹ năng phân tích, phát hiện, tư vấn và giải quyết những vấn đề pháp lý phát sinh trong hoạt động kinh doanh của các chủ thể trong nền kinh tế; lập, kiểm soát nội dung pháp lý trong các văn bản quản lý nhà nước, quản lý nội bộ trong doanh nghiệp, hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh;



(PLO5) Có kỹ năng truyền đạt, thuyết trình, phổ biến kiến thức về các vấn đề pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh của các chủ thể trong nền kinh tế;

(PLO6) Có kỹ năng phân biện, phê phán và sử dụng giải pháp pháp lý thay thế trong điều kiện môi trường kinh doanh biến động;

(PLO7) Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, kỹ năng thực hành nghề luật, giải quyết tranh chấp phát sinh trong thực tiễn để giải quyết các vấn đề pháp lý trong hoạt động kinh doanh;

(PLO8) Có kỹ năng dẫn dắt, tạo việc làm cho mình và cho người khác; có kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành; có năng lực khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo;

### **2.3. Yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm**

(PLO9) Có khả năng làm việc độc lập và theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

(PLO10) Có khả năng lập kế hoạch, điều phối, hướng dẫn, giám sát, quản lý người khác thực hiện nhiệm vụ; đánh giá và cải thiện hiệu quả hoạt động nghề nghiệp liên quan đến lĩnh vực pháp luật trong kinh doanh;

(PLO11) Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân trong hoạt động nghề nghiệp liên quan đến pháp luật trong kinh doanh;

### **2.4. Yêu cầu về ngoại ngữ và tin học**

(PLO12): Đạt chuẩn Tiếng Anh trình độ bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Quy định chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với sinh viên chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại;

(PLO13): Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định về yêu cầu chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại.

### **3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp**

(1) Công tác tại bộ phận pháp chế, quản trị điều hành, thanh tra, kiểm soát nội bộ... ở các doanh nghiệp và tổ chức kinh tế trong và ngoài nước; phụ trách những công việc liên quan đến tra soát, kiểm soát về mặt pháp lý các hoạt động trong đơn vị; đàm phán, soạn thảo, ký kết hợp đồng, đề xuất giải pháp xử lý tình huống pháp lý trong hoạt động kinh doanh;

(2) Hành nghề độc lập hoặc làm việc cho các tổ chức cung cấp dịch vụ pháp lý của Việt Nam và nước ngoài ở các vị trí như: luật sư, công chứng viên, thừa phát lại,



giám định viên, quản tài viên, trọng tài viên, hòa giải viên... (khi có chứng chỉ nghề nghiệp và đáp ứng yêu cầu theo quy định hiện hành);

(3) Cán bộ, công chức tại cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương như Quốc hội, Chính phủ, Bộ/Cơ quan ngang Bộ/Cơ quan thuộc Chính phủ; UBND, HĐND, các Sở, Ban, Ngành ở địa phương ở các vị trí liên quan đến công tác pháp chế, quản lý thị trường, đầu tư, kinh doanh thương mại, thanh tra, tổ chức;

(4) Viên chức, người lao động tại các đơn vị sự nghiệp công lập từ trung ương đến địa phương: Bộ phận nghiên cứu, soạn thảo chính sách, tổ chức thực thi pháp luật liên quan đến hoạt động kinh doanh;

(5) Được bổ nhiệm các chức danh tư pháp trong các cơ quan kiểm sát, tòa án, thi hành án khi đáp ứng đủ điều kiện của ngành;

(6) Làm việc cho các tổ chức phi chính phủ, liên chính phủ và các tổ chức quốc tế khác;

(7) Làm công tác nghiên cứu và giảng dạy pháp luật tại các viện nghiên cứu, các trường đại học, cao đẳng, trường trung học phổ thông (nếu có những văn bằng, chứng chỉ đáp ứng yêu cầu của giáo viên theo quy định hiện hành); Biên tập viên về pháp luật tại các cơ quan báo chí;

(8) Tự thành lập hoặc góp vốn thành lập các doanh nghiệp, tổ chức cung cấp dịch vụ pháp lý về đầu tư kinh doanh cho các đơn vị trong và ngoài nước..

#### **4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

(1) Liên thông sang các ngành đào tạo khác ở trình độ đại học;

(2) Đủ điều kiện để học tập, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ hành nghề luật sư, công chứng viên, thừa phát lại và các chức danh tư pháp nhà nước khác;

(3) Tiếp tục học tập ở bậc cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) trong nước và các cơ sở đào tạo nước ngoài.

#### **5. Các chương trình, chuẩn đầu ra quốc tế đã tham khảo**

##### **5.1. Trong nước**

- Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung trình độ Quốc gia;

- Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo Luật kinh doanh của Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (*Ban hành theo Quyết định số 1152/QĐ-ĐHL ngày 11/8/2023*)<sup>1</sup>

- Chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo Luật kinh tế của Trường Đại học Kinh tế

<sup>1</sup> [https://drive.google.com/drive/folders/1410zNEBpWAn0AyJP13DPL\\_mgGGOoC4Z](https://drive.google.com/drive/folders/1410zNEBpWAn0AyJP13DPL_mgGGOoC4Z)



- Luật, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh (Ban hành theo Quyết định số 984/QĐ-ĐHKTL)<sup>2</sup>

- Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo Luật kinh doanh Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh<sup>3</sup>

## 5.2. Ngoài nước

Chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo về ngành, chuyên ngành Luật kinh doanh của các trường đại học: Business LLB (Hons)- University of East London<sup>4</sup>, Business Law LLB (Hons)- Swansea University<sup>5</sup>, Business Law - Murdoch University<sup>6</sup>, LLB Law with Business Studies - University of Birmingham<sup>7</sup>

HIỆU TRƯỞNG



*[Handwritten signature]*

PGS, TS Nguyễn Hoàng

TRƯỞNG KHOA

*[Handwritten signature]*

TS. Nguyễn Thị Tình

<sup>2</sup>[https://kt.uel.edu.vn/Resources/Docs/SubDomain/kt/14.%20CT%20C4%20T%202023\\_LUAT%20KINH%20TE%20C4%20H.pdf](https://kt.uel.edu.vn/Resources/Docs/SubDomain/kt/14.%20CT%20C4%20T%202023_LUAT%20KINH%20TE%20C4%20H.pdf)

<sup>3</sup><https://ueh.edu.vn/dao-tao/dai-hoc-chinh-quy/cu-nhan-chinh-quy-clc/dao-tao-bang-tieng-viet/luat-kinh-doanh/>

<sup>44</sup><https://www.uel.ac.uk/undergraduate/courses/lb-hons-business-law>  
<https://www.uel.ac.uk/sites/default/files/course-specification--lb-hons-business-law.pdf>

<sup>5</sup><https://www.swansea.ac.uk/undergraduate/courses/law/lb-business-law/>

<sup>6</sup><https://www.murdoch.edu.au/course/undergraduate/mj-blwa>

<sup>7</sup><https://www.birmingham.ac.uk/undergraduate/courses/law/law-business#:~:text=With%20our%20LLB%20Law%20with,a%20diverse%20range%20of%20areas.>



## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 2460./QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 12 năm 2024  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

<b>Chương trình đào tạo:</b>	<b>Luật kinh doanh (Chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế) Business Law (International Profession Oriented Program)</b>
<b>Trình độ đào tạo:</b>	<b>Đại học</b>
<b>Ngành đào tạo:</b>	<b>Luật kinh tế</b>
<b>Mã ngành:</b>	<b>7380107</b>
<b>Chuyên ngành đào tạo:</b>	<b>Luật kinh doanh</b>
<b>Ngôn ngữ đào tạo:</b>	<b>Tiếng Việt và Tiếng Anh</b>

### 1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

#### 1.1 Mục tiêu chung:

Chương trình Luật kinh doanh (Chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế) là chương trình đào tạo định hướng nghề nghiệp, đào tạo cử nhân chất lượng cao ngành Luật kinh tế, chuyên ngành Luật kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; nắm vững nguyên lý, quy luật xã hội, quy Luật kinh tế, chính trị; có kiến thức liên ngành về kinh tế, kinh doanh; có kiến thức nền tảng về pháp luật nói chung, kiến thức chuyên sâu về pháp luật kinh doanh; có khả năng tiếp cận và giải quyết những vấn đề pháp lý đặt ra trong thực tiễn kinh doanh; có kỹ năng thực hành cơ bản nghề luật; có năng lực làm việc độc lập, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.

#### 1.2 Mục tiêu cụ thể:

- Sinh viên sau khi tốt nghiệp có sức khỏe tốt, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, có ý thức phục vụ cộng đồng, có tư duy độc lập, sáng tạo, toàn diện cả về trí tuệ và nhân cách;

- Sinh viên sau khi tốt nghiệp có kiến thức toàn diện về kinh tế - chính trị - xã hội, kiến thức đa ngành về kinh tế, kinh doanh, hiểu biết chuyên sâu pháp luật trong hoạt động kinh doanh;

- Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng phát hiện, phân tích và vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết, tham mưu, tư vấn các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn hoạt động kinh doanh tại các đơn vị sản xuất kinh doanh và các đơn vị khác



trong và ngoài hệ thống cơ quan quản lý nhà nước;

- Sinh viên sau khi tốt nghiệp có năng lực làm việc độc lập, tự chủ, sáng tạo và làm việc theo nhóm hiệu quả; có năng lực khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, có khả năng thích ứng với công việc cao; đủ sức cạnh tranh trên thị trường lao động trong nước và quốc tế;

- Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng tham gia đội ngũ thanh tra, pháp chế tại các doanh nghiệp, cơ quan tổ chức trong và ngoài nhà nước; đội ngũ nhà nghiên cứu, giảng dạy tại các cơ sở đào tạo về pháp luật, giáo viên giảng dạy pháp luật tại các trường THPT; đội ngũ nhân viên pháp lý tại các tổ chức hành nghề luật và các tổ chức hỗ trợ tư pháp.

- Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng học tập suốt đời, học tiếp các chứng chỉ nghề nghiệp, có cơ hội liên thông ngang giữa các chương trình đào tạo khác thuộc lĩnh vực pháp luật, kinh tế, kinh doanh, thương mại; có khả năng theo học các chương trình đào tạo sau đại học về luật, kinh tế, kinh doanh và quản trị kinh doanh trong và ngoài nước;

- Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng sử dụng thành thạo tiếng Anh trong công việc.

## **2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo**

### **2.1. Yêu cầu về kiến thức**

(PLO1): Vận dụng được kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết nền tảng về khoa học xã hội - chính trị - kinh tế và pháp luật nói chung, hiểu biết sâu rộng về pháp luật kinh doanh; vận dụng được kiến thức pháp lý chuyên ngành để giải quyết các vấn đề phát sinh từ thực tiễn hoạt động kinh doanh và hoạt động điều hành, quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh của các chủ thể trong xã hội.

(PLO2): Vận dụng được các kiến thức kiến thức liên ngành, kiến thức chuyên đổi số, trí tuệ nhân tạo để ứng dụng giải quyết hiệu quả các vấn đề pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh;

(PLO3): Vận dụng được kiến thức cơ bản về lập kế hoạch, tổ chức, giám sát, quản lý, điều hành hoạt động pháp lý liên quan đến lĩnh vực kinh doanh.

### **2.2. Yêu cầu về kỹ năng**

(PLO4) Có kỹ năng phân tích, phát hiện, tư vấn và giải quyết những vấn đề pháp lý phát sinh trong hoạt động kinh doanh của các chủ thể trong nền kinh tế; lập, kiểm soát nội dung pháp lý trong các văn bản quản lý nhà nước, quản lý nội bộ trong doanh nghiệp, hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh;

(PLO5) Có kỹ năng truyền đạt, thuyết trình, phổ biến kiến thức về các vấn đề pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh của các chủ thể trong nền kinh tế;



(PLO6) Có kỹ năng phân biệt, phê phán và sử dụng giải pháp pháp lý thay thế trong điều kiện môi trường kinh doanh biến động;

(PLO7) Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, kỹ năng thực hành nghề luật, giải quyết tranh chấp phát sinh trong thực tiễn để giải quyết các vấn đề pháp lý trong hoạt động kinh doanh;

(PLO8) Có kỹ năng dẫn dắt, tạo việc làm cho mình và cho người khác; có kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành; có năng lực khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo;

### **2.3. Yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm**

(PLO9) Có khả năng làm việc độc lập và theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

(PLO10) Có khả năng lập kế hoạch, điều phối, hướng dẫn, giám sát, quản lý người khác thực hiện nhiệm vụ; đánh giá và cải thiện hiệu quả hoạt động nghề nghiệp liên quan đến lĩnh vực pháp luật trong kinh doanh;

(PLO11) Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân trong hoạt động nghề nghiệp liên quan đến pháp luật trong kinh doanh;

### **2.4. Yêu cầu về ngoại ngữ và tin học**

(PLO12): Đạt chuẩn Tiếng Anh trình độ bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Quy định chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với sinh viên chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại;

(PLO13): Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định về yêu cầu chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại.

**3. Khối lượng kiến thức toàn khóa:** 131 TC (trong đó: 120 TC học tập và tốt nghiệp, 11 TC Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh).

### **4. Đối tượng tuyển sinh**

Người học trong cả nước đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học - Người học phải tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ngoài ra, người học phải đạt chuẩn đầu vào tiếng Anh trình độ bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Trong trường hợp chưa đạt được trình độ bậc 2 tiếng Anh, người học sẽ phải học chương trình tiếng Anh bổ sung theo quy định của Trường.

### **5. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp**

#### **5.1. Quy trình đào tạo**

Quy trình đào tạo được tổ chức triển khai theo 5 bước nhằm đảm bảo hoạt động



đào tạo thực hiện đúng tiến độ kế hoạch đã đề ra, tuân thủ quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường, bao gồm:

**Bước 1.** Xây dựng Kế hoạch toàn khóa;

**Bước 2.** Xây dựng kế hoạch giảng dạy từng học kỳ (gồm: xây dựng lịch trình, thời khóa biểu, lịch thi từng học kỳ) và tổ chức triển khai kế hoạch giảng dạy theo trình tự sau:

- Dựa trên kế hoạch toàn khóa, từng học kỳ phòng Quản lý đào tạo xây dựng lịch trình, thời khóa biểu dự kiến cho kỳ sau, gửi các bộ môn;

- Bộ môn phân công giảng viên giảng dạy và gửi lại phòng Quản lý đào tạo sau khi có ý kiến của Trưởng Khoa/Viện quản lý chuyên ngành;

- Phòng Quản lý đào tạo đăng tải thời khóa biểu dự kiến (có tên giảng viên giảng dạy lớp học phần) trên trang <http://dangky.tmu.edu.vn> để sinh viên tham khảo trước khi đăng ký học tập;

- Tổ chức cho sinh viên đăng ký học tập;

- Thành lập lớp học phần (thời khóa biểu chính thức) trên cơ sở kết quả đăng ký học tập của sinh viên;

- Chuyển thời khóa biểu chính thức cho Khoa/Viện quản lý chuyên ngành và Bộ môn phụ trách học phần; Lưu trữ Thời khóa biểu chính thức tại Phòng Quản lý đào tạo;

- Tổ chức giảng dạy theo thời khóa biểu (điều hành, kiểm tra, theo dõi tình thực hiện kế hoạch giảng dạy/Thời khóa biểu);

- Xây dựng Lịch thi, tổ chức kỳ thi và đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

**Bước 3.** Xử lý các vấn đề về học vụ, gồm: cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học; thôi học; tạm ngừng học; chuyển hình thức đào tạo,...

**Bước 4.** Xét, công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

**Bước 5.** Cấp Bằng tốt nghiệp cho sinh viên.

### **5.2. Điều kiện tốt nghiệp**

Sinh viên có đủ các điều kiện sau đây được xét công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự; hoặc không trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập và vẫn còn trong phạm vi thời gian tối đa được phép học tập tại trường của sinh viên;

b) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ quy định theo chương trình đào tạo tương ứng; đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra ngoại ngữ và chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo quy định của Trường;

c) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

d) Có đơn gửi phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khoá học

f) Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh và hoàn thành chương trình Giáo dục thể chất.



## 6. Phương thức đánh giá

Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ, được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo trình độ đại học và Quy định về hoạt động khảo thí của Trường Đại học Thương mại.

## 7. Nội dung chương trình đào tạo

### 7.1. Khung chương trình đào tạo

STT	Khối kiến thức và các học phần	Mã học phần	Ngôn ngữ giảng dạy	Số TC	Cấu trúc
<b>1</b>	<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>			<b>48</b>	
<b>1.1</b>	<b>Giáo dục đại cương</b>			<b>37</b>	
<b>1.1.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>			<b>34</b>	
1	Triết học Mác - Lê Nin Phylosophy of Maxism – Leninism	MLNP0221	Tiếng Việt	3	36,18
2	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin Political economics of Maxism – Leninism	RLCP1211	Tiếng Việt	2	24,12
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	HCMIO111	Tiếng Việt	2	24,12
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of Vietnamese Communist Party	HCMIO131	Tiếng Việt	2	21,18
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific socialism	HCMIO121	Tiếng Việt	2	24,12
6	Đạo đức kinh doanh Business Ethics	BMGM1111	Tiếng Việt	2	24,12
7	Tiếng Anh tăng cường 1.1 Intensive English 1.1	ENPR7011	Tiếng Anh	4	48,24
8	Tiếng Anh tăng cường 1.2 Intensive English 1.2	ENPR7111	Tiếng Anh	4	48,24
9	Tiếng Anh nâng cao 1.1 Advanced English 1.1	ENTI3111	Tiếng Anh	5	60,30
10	Tiếng Anh nâng cao 1.2 Advanced English 1.2	ENTI3211	Tiếng Anh	5	60,30
11	Ứng dụng công nghệ thông tin căn bản Information Technology Foundation	INFO3511	Tiếng Việt	3	36,18
<b>1.1.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>			<b>3</b>	
	<i>Chọn 03 TC trong các HP sau:</i>				
1	Kinh tế lượng Econometrics	AMAT0411	Tiếng Việt	3	36,18
2	Giao tiếp trong kinh doanh Communication in business	EPIN0111	Tiếng Việt	3	0,90



<b>1.2</b>	<b>Giáo dục thể chất</b>			<b>3</b>	
<b>1.2.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>			<b>1</b>	
1	Giáo dục thể chất chung Physical Education	GDTC1611	Tiếng Việt	1	12,18
<b>1.2.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>			<b>2</b>	
	<i>Chọn 02 TC trong các HP sau:</i>				
1	Cầu lông Badminton	GDTC0521	Tiếng Việt	1	12,18
2	Bóng chuyền Volleyball	GDTC0621	Tiếng Việt	1	12,18
3	Bóng ném Handball	GDTC0721	Tiếng Việt	1	12,18
4	Bóng bàn Table tennis	GDTC1621	Tiếng Việt	1	12,18
5	Cờ vua Chess	GDTC1721	Tiếng Việt	1	12,18
6	Bóng rổ Basketball	GDTC0821	Tiếng Việt	1	12,18
<b>1.3</b>	<b>Giáo dục Quốc phòng – An ninh Military Education</b>			<b>8</b>	
<b>2</b>	<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>			<b>83</b>	
<b>2.1</b>	<b>Kiến thức liên ngành</b>			<b>43</b>	
<b>2.1.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>			<b>28</b>	
1	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật <i>Theory of state and law</i>	BLAW0511	Tiếng Việt	3	36,18
2	Luật hành chính Administrative law	BLAW2511	Tiếng Việt	3	36,18
3	Luật Dân sự Civil law	BLAW4811	Tiếng Việt	3	36,18
4	Luật thương mại quốc tế International Commercial Law	PLAW3111	Tiếng Việt	3	36,18
5	Kinh tế học Economics	MIEC1031	Tiếng Anh	3	36,18
6	Chuyển đổi số trong kinh doanh Digital transformation in business	PCOM1111	Tiếng Việt	2	24, 12
7	Thực tập nghề nghiệp Internship	LUAT0161	Tiếng Việt	2	0,60



8	Quản trị học Fundamentals of Management	BMGM0531	Tiếng Anh	3	36,18
9	Nguyên lý kế toán Principles of Accounting	ACCP0231	Tiếng Anh	3	36,18
10	Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính Money, Banking and Financial Market	EFIN2812	Tiếng Anh	3	36,18
<b>2.1.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>			<b>15</b>	
	<i>Chọn 15 TC trong các HP sau:</i>				
1	Luật Hình sự Criminal law	BLAW2621	Tiếng Việt	3	36,18
2	Luật Tố tụng Dân sự Civil Procedure Law	BLAW4911	Tiếng Việt	3	36,18
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học Scientific Research Methodology	SCRE0211	Tiếng Việt	3	36,18
4	Quản trị dịch vụ Service Management	TEMG2911	Tiếng Việt	3	36,18
5	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh Artificial Intelligence for Business	INFO3611	Tiếng Việt	3	36,18
6	Kinh doanh quốc tế International Business	ITOM1311	Tiếng Việt	3	36,18
7	Lý thuyết kinh tế số Theory of digital economics	DECO0111	Tiếng Việt	3	36,18
8	Marketing căn bản Principles of Marketing	BMKT3231	Tiếng Anh	3	36,18
9	Nguyên lý quản trị nhân lực Principles of Human Resource Management	HRMG2531	Tiếng Anh	3	36,18
10	Khởi sự kinh doanh Entrepreneurship	EPIN0211	Tiếng Việt	3	36,18
<b>2.2</b>	<b>Kiến thức ngành</b>			<b>15</b>	
<b>2.2.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>			<b>9</b>	
1	Economic Law 1 Luật kinh tế 1	PLAW5031	Tiếng Anh	3	36,18
2	Economic Law 2 Luật kinh tế 2	PLAW5131	Tiếng Anh	3	36,18
3	Kỹ năng thực hành pháp luật căn bản Basic legal practice skills	LUAT0261	Tiếng Việt	3	0,90
<b>2.2.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>				
	<i>Chọn 6 TC trong các HP sau:</i>			<b>6</b>	
1	Luật Thương mại điện tử Law on E-Commerce	PLAW4811	Tiếng Việt	3	36,18
2	Luật sở hữu trí tuệ	PLAW4711	Tiếng Việt	3	36,18



	Intellectual Property Law				
3	Pháp luật môi trường – đất đai Environmental and land law	PLAW3011	Tiếng Việt	3	36,18
4	Kỹ năng tư vấn pháp luật doanh nghiệp Skills of legal consulting on Enterprises	PLAW4911	Tiếng Việt	3	0,90
<b>2.3</b>	<b>Kiến thức chuyên ngành (gồm các học phần bắt buộc)</b>			<b>15</b>	
1	Pháp luật tài chính ngân hàng Finance – Banking Law	PLAW1511	Tiếng Việt	3	36,18
2	Pháp luật lao động và an sinh xã hội Society welfare and Labour Law	BLAW2311	Tiếng Việt	3	36,18
3	Pháp luật hợp đồng Contract law	BLAW5031	Tiếng Anh	3	36,18
4	Pháp luật về đầu tư Investment Law	PLAW3411	Tiếng Việt	3	36,18
5	Luật Cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng Competition Law and Consumer Protection Law	PLAW2911	Tiếng Việt	3	36,18
<b>2.4</b>	<b>Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học</b>			<b>10</b>	
1	Thực tập và viết Báo cáo dự án nhóm Internship project report	REPP1811	Tiếng Việt	3	0,90
2	Thực tập và viết Luận văn tốt nghiệp Graduation Thesis	LVVP1911	Tiếng Việt	7	0,210

*Ghi chú:*

*Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu toàn khóa học: 131 tín chỉ bao gồm 120 tín chỉ học tập và tốt nghiệp (trong đó có 96 tín chỉ học phần bắt buộc (80%), 24 tín chỉ học phần tự chọn (20%) và 11 tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh. Trong 120 tín chỉ có 27 tín chỉ học phần thuộc khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp (32.5%) giảng dạy bằng tiếng Anh.*

**7.2. Mô tả các học phần (xem phụ lục)**

### **8. Hướng dẫn thực hiện chương trình**

TT	KỶ HỌC	HỌC PHẦN	SỐ TC
1	Kỳ 1	Kiến thức giáo dục đại cương	9
		Kiến thức liên ngành	3
		GDTC	1



2	Kỳ 2	Kiến thức giáo dục đại cương	9
		Kiến thức liên ngành	6
		GDTC	1
	Kỳ hè năm thứ nhất	GDQP-AN	8
3	Kỳ 3	Kiến thức giáo dục đại cương	6
		Kiến thức liên ngành	9
		GDTC	1
4	Kỳ 4	Kiến thức giáo dục đại cương	7
		Kiến thức liên ngành	11
5	Kỳ 5	Kiến thức giáo dục đại cương (HP LLCT)	3
		Kiến thức liên ngành	7
		Kiến thức ngành	6
		Kiến thức chuyên ngành	3
6	Kỳ 6	Kiến thức giáo dục đại cương (HP LLCT)	3
		Kiến thức liên ngành	7
		Kiến thức ngành	3
		Kiến thức chuyên ngành	3
7	Kỳ 7	Kiến thức ngành	6
		Kiến thức chuyên ngành	9
8	Kỳ 8	Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học	10
<b>Tổng cộng</b>			<b>131</b>

Lưu ý:

- Căn cứ vào điều kiện thực tế, Nhà trường có thể điều chỉnh kế hoạch thực hiện CTĐT;
- Các Học phần thực hành/thực tế có thể được tổ chức học tập vào kỳ hè năm thứ 2, năm thứ 3;
- Quá trình tổ chức giảng dạy, đánh giá học phần được triển khai theo hình thức trực tiếp hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, bảo đảm quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Thương mại về tổ chức đào tạo và khảo thí.



HIỆU TRƯỞNG

PGS, TS Nguyễn Hoàng

TRƯỞNG KHOA

TS. Nguyễn Thị Tinh



## PHỤ LỤC: MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN

1. *Triết học Mác - Lê Nin (Phylosophy of Maxism – Leninism)*: Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

2. *Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin (Political economics of Maxism – Leninism)*: Nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường. Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư). Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

3. *Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Ideology)*: Học phần bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

4. *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (History of Vietnamese Communist Party)*: Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó, khẳng định những



thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng

5. *Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific socialism)*: Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, vai trò của Đảng cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử đó, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội, về dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa, liên minh giai cấp và những vấn đề xã hội (dân tộc, tôn giáo, gia đình). Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

6. *Đạo đức kinh doanh (Business Ethics)*: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khái niệm và vai trò của đạo đức kinh doanh; Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp; Đạo đức kinh doanh trong phát triển mối quan hệ với các đối tượng hữu quan bên trong và bên ngoài doanh nghiệp. Học phần giúp sinh viên có thêm những kỹ năng vận dụng tốt kiến thức trong học tập và trong thực tiễn công việc thông qua làm việc cá nhân, làm việc nhóm. Tăng cường thái độ chuyên nghiệp trong học tập và làm việc.

7. *Tiếng Anh tăng cường 1.1 (Intensive English 1.1)*: Học phần Tiếng Anh Tăng cường 1.1 sử dụng giáo trình Life (Upper Intermediate) (bài 1-6) của Paul Dummett, John Huges, và Helen Stephenson (2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm các mối quan hệ, kể chuyện, khoa học và công nghệ, nghệ thuật và sáng tạo, phát triển, du lịch. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

8. *Tiếng Anh tăng cường 1.2 (Intensive English 1.2)*: Học phần Tiếng Anh Tăng cường 1.2 sử dụng giáo trình Life (Upper Intermediate) (bài 7-12) của Paul Dummett, John Huges, và Helen Stephenson (2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm tập quán và hành vi, sự hy vọng và tham vọng, tin tức, người tài năng, kiến thức và học tập, tiền bạc. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.



9. *Tiếng Anh nâng cao 1.1 (Advanced English 1.1)*: Học phần Tiếng Anh nâng cao 1.1 sử dụng giáo trình Life (Advanced) (bài 1-6) của Paul Dummett, John Huges, và Helen Stephenson (2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm: bài học trong cuộc sống, công việc, thiết kế cho cuộc sống, đổi mới và cơ thể. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

10. *Tiếng Anh nâng cao 1.2 (Advanced English 1.2)*: Học phần Tiếng Anh nâng cao 1.2 sử dụng giáo trình Life (Advanced) (bài 7-12) của Paul Dummett, John Huges, và Helen Stephenson (2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm: phương tiện truyền thông kỹ thuật số, âm nhạc, đời sống xã hội, cảm xúc và mẹ thiên nhiên. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

11. *Ứng dụng công nghệ thông tin căn bản (Information Technology Foundation)*: Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản và nền tảng của việc ứng dụng CNTT trong việc nghiên cứu và học tập của sinh viên. Ngoài ra đây là học phần để đáp ứng cho công việc sau này, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường Đại học Thương Mại. Học phần bao gồm các khối kiến thức cơ bản về CNTT, hệ soạn thảo văn bản, trình diễn văn bản, tổ chức và xử lý dữ liệu, và các vấn đề đương đại về CNTT trong môi trường số.

12. *Kinh tế lượng (Econometrics)*: Phương pháp ước lượng các mô hình hồi quy hai biến và nhiều biến. Các nội dung cơ bản của phân tích hồi quy (xác định khoảng tin cậy, kiểm định giả thiết về các hệ số hồi quy, dự báo giá trị trung bình và giá trị cá biệt). Các vấn đề liên quan đến các giả thiết cơ bản của mô hình hồi quy. Chọn mô hình và kiểm định việc chỉ định mô hình.

13. *Giao tiếp trong kinh doanh (Communication in business)*: Học phần trang bị những kỹ thuật và phương pháp giao tiếp bằng: lời nói, văn bản, điện thoại, email, ngôn ngữ không lời, giao tiếp hệ thống truyền thông, mô hình truyền thông có hiệu quả trong kinh doanh. Đồng thời giúp người học có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy sáng tạo để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình giao tiếp kinh doanh; có kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học và tiên tiến; kỹ năng nghiên cứu phát triển, đổi mới



và sử dụng các công nghệ phù hợp trong giao tiếp kinh doanh. Mang lại cho người học sự tự tin khi đối diện với những tình huống giao tiếp trong kinh doanh, kể cả các tình huống khó khăn và xử lý tốt các tình huống đó.

14. *Lý luận chung về nhà nước và pháp luật (Theory of state and law)*: Học phần trang bị cho người học những kiến thức lý luận nền tảng về nhà nước và pháp luật, cụ thể gồm: Khái quát Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật; Những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước và pháp luật như nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức ... của nhà nước và pháp luật; Những vấn đề pháp lý về Hệ thống pháp luật và quy phạm pháp luật; Quan hệ pháp luật và thực hiện pháp luật; Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; Ý thức pháp luật và giáo dục pháp luật.

15. *Luật Hành chính (Administrative law)*: Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng pháp lý cơ bản về quản lý hành chính nhà nước. Cụ thể, học phần tập trung nghiên cứu các quy định pháp luật về Quy phạm pháp luật hành chính và Quan hệ pháp Luật hành chính; Các nguyên tắc cơ bản của quản lý hành chính nhà nước; hình thức và phương pháp quản lý hành chính nhà nước; Thủ tục hành chính; Quyết định hành chính; Địa vị pháp lý hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước; Địa vị pháp lý hành chính của cán bộ, công chức nhà nước; Địa vị pháp lý hành chính của các tổ chức xã hội; Địa vị pháp lý hành chính của công dân, người nước ngoài; Vi phạm hành chính và trách nhiệm hành chính; Các biện pháp bảo đảm pháp chế trong quản lý hành chính nhà nước.

16. *Luật Dân sự (Civil law)*: Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề pháp lý về dân sự như hệ thống các khái niệm về đối tượng, phương pháp điều chỉnh, nguyên tắc của luật dân sự...; quan hệ pháp luật dân sự và một số chế định pháp lý cơ bản của đời sống dân sự như: giao dịch dân sự; đại diện; thời hạn và thời hiệu; tài sản, quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản; quyền thừa kế; nghĩa vụ dân sự; bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; nghĩa vụ ngoài hợp đồng và trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như các học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế, giúp người học có kiến thức toàn diện về pháp Luật kinh tế.

17. *Luật thương mại quốc tế (International Commercial law)*: Học phần đi sâu nghiên cứu những kiến thức tổng quan về Luật thương mại quốc tế, quan hệ thương mại quốc tế giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ với nhau; quan hệ thương mại quốc tế giữa các thương nhân.

18. *Kinh tế học (Economics)*: Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về kinh tế học, bao gồm: Về nội dung kinh tế vi mô, học phần tập trung nghiên cứu về cung - cầu về hàng hóa và dịch vụ; nghiên cứu về cơ chế hoạt động của thị trường; nghiên



cứu về lý thuyết hành vi của doanh nghiệp; nghiên cứu về cấu trúc của các thị trường khác nhau trong nền kinh tế. Về nội dung kinh tế vĩ mô, Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, trước hết là phần khái quát về mục tiêu, công cụ kinh tế vĩ mô với mô hình AD - AS. Sau đó là đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản như sản lượng, việc làm, giá cả... Tiếp theo là các phân tích về tổng cầu và chính sách tài khoá, tiền tệ và chính sách tiền tệ, tác động của hai chính sách kinh tế vĩ mô trung tâm là chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ tới giá cả, sản lượng và việc làm trong nền kinh tế.

19. *Chuyển đổi số trong kinh doanh*: Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về chuyển đổi số trong kinh doanh bao gồm khái niệm; phân biệt chuyển đổi số với các thuật ngữ khác như số hóa, số hóa hoạt động, công nghệ số, ứng dụng CNTT; đặc điểm của chuyển đổi số; hệ sinh thái của chuyển đổi số; các giai đoạn chuyển đổi số; quy trình chuyển đổi số trong kinh doanh; giới thiệu khái quát về một số nền tảng hạ tầng số quan trọng trong chuyển đổi số và một số vấn đề khác của chuyển đổi số trong kinh doanh.

20. *Thực tập nghề nghiệp (Intership)*: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức thực tiễn về pháp luật trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và các chủ thể trong xã hội thông qua khảo sát tại đơn vị thực tập. Bên cạnh đó, người học được rèn luyện các kỹ năng: làm việc nhóm, phân tích và viết báo cáo, lập kế hoạch.

21. *Quản trị học (Fundamentals of Management)*: The course focuses on providing learners with fundamental knowledge of management. It also develops management skills for learners and allows them to form the ability to work independently and in a group.

22. *Nguyên lý kế toán (Principles of Accounting)*: Nội dung học phần đi sâu vào nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về kế toán như: bản chất, chức năng, nhiệm vụ của kế toán, nội dung đối tượng của kế toán, phương pháp chứng từ kế toán, phương pháp tài khoản kế toán, phương pháp tính giá và kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp, phương pháp tổng hợp và cân đối kế toán, sổ kế toán và hình thức kế toán.

23. *Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính (Money, Banking and Financial Market)*: Money, Banking and Financial Market The course provides systematically basic knowledge the system of finance and monetary, including domestic operation and global operation of the system. The concepts of money, inflation and financial market are discussed to improve learner's awareness of basically financial issue.



Then, monetary policy and its operation in Vietnam are introduced and analyzed. The rest of the course is basic knowledge of banking system.

24. *Luật Hình sự (Criminal law)*: Học phần nghiên cứu những lý luận cơ bản nhất của Luật Hình sự về Tội phạm, Hình phạt và một số tội phạm cụ thể: Bản chất tội phạm; Cấu thành tội phạm; Các giai đoạn thực hiện tội phạm; Đồng phạm; Những tình tiết loại trừ tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi; Trách nhiệm hình sự của chủ thể tội phạm nói chung và Trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội; Hệ thống hình phạt và các biện pháp tư pháp khác; Quyết định hình phạt; Chấp hành hình phạt. Ngoài ra học phần cũng giới thiệu những vấn đề chung và cấu thành chi tiết của một số tội phạm cụ thể: Các tội phạm xâm phạm quyền sở hữu; Các tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế...

25. *Luật Tố tụng dân sự (Civil Procedure law)*: Học phần bao gồm những nội dung cơ bản: khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng dân sự; thẩm quyền dân sự của tòa án nhân dân; nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng; chứng minh và chứng cứ trong tố tụng dân sự; biện pháp khẩn cấp tạm thời, cấp, tổng đạt và thông báo văn bản tố tụng; trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự tại tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm và thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của tòa án; thủ tục giải quyết việc dân sự.

26. *Phương pháp nghiên cứu khoa học (Scientific Research Methodology)*: Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu và thực hiện tổng quan nghiên cứu, cách thức thu thập và phân tích dữ liệu theo các phương pháp nghiên cứu phù hợp, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu. Hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, có thể độc lập và hợp tác trong triển khai nghiên cứu khoa học.

27. *Quản trị dịch vụ (Service Management)*: Học phần Quản trị dịch vụ góp phần giúp sinh viên có kiến thức quản trị đối với dịch vụ nói chung và là cơ sở dẫn dắt sinh viên tiếp cận và vận dụng quản trị chuyên sâu đối với lĩnh vực dịch vụ cụ thể - đó là quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, quản trị khách sạn, tài chính - ngân hàng,... Sau khi học xong học phần, sinh viên có kiến thức khái quát về quản trị dịch; quản trị các nguồn lực lao động, vốn và cơ sở vật chất kinh doanh dịch vụ; quản trị cầu dịch vụ; quản trị quá trình cung ứng dịch vụ; quản trị quan hệ khách hàng trong dịch vụ; chiến lược phát triển dịch vụ và chiến lược dịch vụ toàn cầu.



28. *Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh (Artificial Intelligence for Business)*: Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản và nền tảng của TTNT và ứng dụng của nó trong kinh doanh. Cụ thể là: các khái niệm cơ bản về trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, cách thức tổ chức và quản lý dữ liệu lớn, các công nghệ sử dụng và một số công cụ trong trí tuệ nhân tạo, và các ứng dụng của trí tuệ nhân tạo trong các lĩnh vực kinh doanh khác nhau

29. *Kinh doanh quốc tế (International business)*: Học phần giới thiệu một số vấn đề cơ bản về hoạt động kinh doanh quốc tế, những cơ hội, thách thức đối với hoạt động kinh doanh quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa, sự khác biệt giữa các quốc gia về môi trường chính trị, pháp luật, kinh tế, văn hóa và tác động của những môi trường đó tới hoạt động kinh doanh quốc tế. Học phần tiếp tục nghiên cứu những phương thức thâm nhập thị trường, cơ sở lựa chọn và thời điểm lựa chọn phương thức thâm nhập thị trường cũng như các chiến lược kinh doanh và mô hình cấu trúc tổ chức của các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế. Bên cạnh đó, học phần giới thiệu một số hoạt động quản trị tại các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế và một số nội dung cơ bản về đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh quốc tế.

30. *Lý thuyết kinh tế số (Theory of digital economics)*: Học phần cung cấp cho người học cơ sở lý thuyết về kinh tế số, một số nguyên tắc cơ bản, một số vấn đề chiến lược của kinh tế số và kinh tế số nâng cao. Học phần cũng chỉ ra sự tương tác giữa các thị trường số; những đổi mới quan trọng của công nghệ thông tin, truyền thông (ICT) và giúp người học vận dụng vào việc nghiên cứu các hiện tượng kinh doanh, kinh tế học trong thế giới thực. Ngoài ra, học phần cũng giúp người học có thái độ làm việc tích cực, có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm.

31. *Marketing căn bản (Principles of marketing)*: Học phần Marketing giới thiệu bản chất và các quan điểm tiếp cận marketing, học phần tập trung giới thiệu hai khối kiến thức căn bản về marketing. Một là, hiểu biết về môi trường marketing, thị trường, hành vi mua của khách hàng và hệ thống thông tin marketing; hai là: nguyên lý ứng xử cơ bản của marketing nhằm cung cấp những lợi ích và giá trị cho khách hàng, trong đó có chiến lược marketing và ứng xử marketing –mix (4Ps) với các chính sách: sản phẩm; giá; phân phối và xúc tiến phù hợp với thị trường mục tiêu. Học phần cũng mở ra những triển vọng cho việc áp dụng và phát triển tư duy marketing hiện đại trong thế kỉ 21.

32. *Nguyên lý quản trị nhân lực (Principles of Human Resource Management)*: This module includes some main contents as: concept and role of human resource management; essential contents of human resource management



(job analysis, recruitment and selection, training and development employee, performance management, compensation), trends in human resource management

33. *Khởi sự kinh doanh (Entrepreneurship)*: Học phần cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức tổng quan, kết hợp đa dạng nhiều kỹ năng về khởi sự kinh doanh. Học phần khởi sự kinh doanh bao gồm các nội dung cơ bản: tổng quan về khởi sự kinh doanh; tìm kiếm và đánh giá ý tưởng kinh doanh; lập kế hoạch kinh doanh về bán hàng, marketing; lập kế hoạch về sản xuất, vận hành; lập kế hoạch về nhân sự; lập kế hoạch về tài chính và điều hành hoạt động kinh doanh mới. Ngoài ra học phần còn giới thiệu các kiến thức chung về khởi sự kinh doanh sáng tạo và khởi sự kinh doanh xã hội.

34. *Luật kinh tế 1 (Economic Law1)*: Học phần cung cấp những kiến thức pháp lý chung về chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh và đi sâu nghiên cứu các quy định pháp luật về loại hình doanh nghiệp, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, hợp tác xã và hộ kinh doanh cá thể, tổ hợp tác, doanh nghiệp nhà nước; Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề chung về phá sản và luật phá sản; thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản của thương nhân.

35. *Luật kinh tế 2 (Economic law 2)*: Học phần trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng pháp lý cơ bản về việc thực hiện các hoạt động thương mại. Học phần nghiên cứu khung pháp lý chung điều chỉnh các hoạt động thương mại phổ biến như mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ... và một số hoạt động thương mại đặc thù như nhượng quyền thương mại, gia công hàng hóa, đấu thầu, đấu giá; các chế tài được áp dụng khi một bên có hành vi vi phạm; các phương thức giải quyết tranh chấp giữa các bên trong kinh doanh thương mại.

36. *Kỹ năng thực hành pháp luật căn bản (Basic legal practice skills)*: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về nghề luật; đạo đức và ứng xử trong nghề luật; kỹ năng thu thập thông tin, quản lý hồ sơ vụ việc; kỹ năng nghiên cứu hồ sơ vụ việc, kỹ năng xác định giải pháp giải quyết vụ việc; kỹ năng trình bày kết quả nghiên cứu vụ việc. Việc nghiên cứu, giảng dạy học phần này nhằm giúp người học tiếp cận, hiểu và nâng cao nhận thức về thực hành pháp luật.

37. *Luật Thương mại điện tử (E-commerce law)*: Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề pháp lý cơ bản về thương mại điện tử, trong đó nghiên cứu pháp luật điều chỉnh về hợp đồng thương mại điện tử, website thương mại điện tử; xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp trong thương mại điện tử.

38. *Luật Sở hữu trí tuệ (Intellectual property law)*: Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề pháp lý cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ của các tổ chức, cá nhân trong xã hội, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan; về quyền sở hữu công



nghiệp; về quyền đối với giống cây trồng; về vấn đề bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và giải quyết tranh chấp liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ.

39. *Pháp luật môi trường – đất đai (Environmental and land law)*: Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề pháp lý chung về đất đai và môi trường, pháp luật về chế độ sở hữu và sử dụng đất đai, pháp luật về kiểm soát ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường, quản lý nhà nước về đất đai và môi trường, giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực đất đai và môi trường.

40. *Kỹ năng tư vấn pháp luật doanh nghiệp (Legal consulting skills on enterprises)*: Học phần cung cấp các kỹ năng tư vấn pháp luật doanh nghiệp, tập trung ở các nội dung: về thành lập, quản lý nội bộ, tổ chức lại và chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp. Học phần trang bị cho người học các kỹ năng tư vấn pháp luật, đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Luật kinh tế.

41. *Pháp luật tài chính ngân hàng (Finance – Banking Law)*: Học phần tập trung nghiên cứu về các qui định pháp luật trong hoạt động thu, chi, quyết toán ngân sách Nhà nước, việc thu các loại thuế đặc biệt là các loại thuế trong hoạt động thương mại; về cơ cấu tổ chức, hoạt động, vai trò của ngân hàng nhà nước, về cơ cấu tổ chức, hoạt động của các tổ chức tín dụng, và quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

42. *Pháp luật lao động và an sinh xã hội (Society welfare and Labour Law)*: Học phần tập trung nghiên cứu các vấn đề về pháp luật lao động, pháp luật về an sinh xã hội, bao gồm các nội dung cơ bản như: các vấn đề lý luận chung về luật lao động, luật an sinh xã hội như quan hệ pháp luật lao động, quan hệ pháp luật về an sinh xã hội, các nguyên tắc cơ bản trong lĩnh vực luật lao động và luật an sinh xã hội, tổ chức đại diện người lao động, quản lý nhà nước trong lĩnh vực luật lao động và luật an sinh xã hội; hợp đồng lao động; thoả ước lao động tập thể; chế độ tiền lương, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, an toàn lao động, vệ sinh lao động; kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất; giải quyết tranh chấp lao động và giải quyết đình công; bảo hiểm xã hội; bảo hiểm thất nghiệp; bảo hiểm y tế; trợ giúp xã hội; ưu đãi xã hội.

43. *Pháp luật hợp đồng (Contract law)*: Học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản về hợp đồng và pháp luật về hợp đồng ở Việt nam gồm khái niệm, các tiêu chí để nhận diện bản chất pháp lý của các loại hợp đồng; nguồn luật về hợp đồng và các nguyên tắc áp dụng pháp luật về hợp đồng. Trên cơ sở những vấn đề lý luận nêu trên, học phần đề cập tới các nội dung pháp lý cụ thể gắn liền với vấn đề giao kết hợp đồng và thực hiện hợp đồng gồm: Xác định sự hình thành hợp đồng; các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng, hợp đồng vô hiệu và xử lý hợp đồng vô hiệu; cơ sở pháp lý cho việc giải thích hợp đồng; thay đổi, đình chỉ, hủy bỏ hợp đồng; trách